

Số: 06/2021/QĐ-UBND

Bến Tre, ngày 10 tháng 3 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc quy định giá dịch vụ trông giữ xe trên địa bàn tỉnh Bến Tre

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 577/TTr-STC ngày 05 tháng 3 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định giá dịch vụ trông giữ xe đối với các điểm trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước và ngoài ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Đối tượng cung ứng dịch vụ trông giữ xe và đối tượng có nhu cầu sử dụng dịch vụ, các cơ quan tổ chức khác có liên quan.

Điều 3. Mức thu giá dịch vụ trông giữ xe

1. Mức giá cụ thể tại các điểm đỗ, bãi trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước (bao gồm thuế giá trị gia tăng).

a) Đối với các điểm đỗ, bãi trông giữ xe thông thường, các điểm tổ chức lễ hội, hội chợ:

| TT | Nội dung | Mức giá cụ thể | | | |
|----|--|-------------------------|------------------------|----------------------------------|-------------------------|
| | | Ban ngày (đồng/lượt) | Ban đêm (đồng/lượt) | Cả ngày và đêm (đồng/lượt) | Cả tháng (đồng/lượt) |
| 1 | Xe đạp, xe đạp điện | 1.000 | 2.000 | 3.000 | 30.000 |
| 2 | Xe mô tô, xe gắn máy, xe máy điện | 3.000 | 5.000 | 7.000 | 90.000 |
| 3 | Xe ô tô dưới 15 chỗ ngồi, xe tải dưới 05 tấn | 15.000 | 22.000 | 30.000 | 450.000 |
| 4 | Xe ô tô từ 15 chỗ ngồi trở lên, xe tải từ 05 tấn trở lên | 20.000 | 30.000 | 40.000 | 600.000 |

b) Đối với các điểm đỗ, bãi trông giữ xe tại các bệnh viện, trường học, chợ là những nơi có nhiều nhu cầu trông giữ xe:

| TT | Nội dung | Mức giá cụ thể | | | |
|----|--|-------------------------|------------------------|----------------------------------|-------------------------|
| | | Ban ngày (đồng/lượt) | Ban đêm (đồng/lượt) | Cả ngày và đêm (đồng/lượt) | Cả tháng (đồng/lượt) |
| 1 | Xe đạp, xe đạp điện | 1.000 | 2.000 | 3.000 | 30.000 |
| 2 | Xe mô tô, xe gắn máy, xe máy điện | 2.000 | 3.000 | 4.000 | 60.000 |
| 3 | Xe ô tô dưới 15 chỗ ngồi, xe tải dưới 05 tấn | 12.000 | 18.000 | 24.000 | 360.000 |
| 4 | Xe ô tô từ 15 chỗ ngồi trở lên, xe tải từ 05 tấn trở lên | 17.000 | 25.000 | 34.000 | 510.000 |

2. Đối với các điểm đỗ, bãi trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước mức giá tối đa không được vượt quá mức giá quy định tại khoản

1 Điều này.

3. Thời gian ban ngày là từ sau 06 giờ đến trước 22 giờ, thời gian ban đêm là từ 22 giờ hôm trước đến 06 giờ sáng ngày hôm sau.

Điều 4. Quản lý và sử dụng giá dịch vụ trông giữ xe

1. Nguồn thu được xác định là doanh thu của tổ chức, cá nhân thu và thực hiện chính sách thuế theo đúng quy định của pháp luật.

2. Đối với dịch vụ trông giữ xe do UBND cấp xã, quản lý và tổ chức thu hoặc khoán thu thì giá sử dụng dịch vụ được xác định là khoản thu thuộc NSNN và nộp 100% vào ngân sách xã theo quy định. Hàng năm, UBND xã lập dự toán các khoản chi phí cho công tác quản lý và duy tu, sửa chữa bãi trông giữ xe vào dự toán chung ngân sách xã trình HĐND cùng cấp quyết định.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Giao thông và vận tải; Cục trưởng Cục thuế tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ các bãi trông giữ xe công cộng; các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 26 tháng 3 năm 2021 và thay thế Quyết định số 63/2016/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về việc quy định giá dịch vụ trông giữ xe trên địa bàn tỉnh Bến Tre./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Ngọc Tam